

Bản án số: 18/2023/HS-PT
Ngày: 23/3/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Lê Vũ Huy Hoàng
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Toàn
Ông Nguyễn Văn Dũ

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trường Sơn -Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:

Ông Đỗ Văn Tài – Kiểm sát viên
Bà Lâm Dạ Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng (điểm cầu trung tâm) và tại Trại tạm giam-Công an tỉnh Sóc Trăng (điểm cầu thành phần) xét xử phúc thẩm công khai, trực tuyến vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 13/2023/TLPT-HS Ngày 02 tháng 02 năm 2023 đối với các bị cáo NTN, NMC, TPH, HTT, TTTr, LHĐ, NHNH, TTThT do có kháng cáo của các bị cáo NTN, NMC, TPH, HTT, TTTr, LHĐ, NHNH, TTThT đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 160/2022/HS-ST Ngày 22/12/2022 của Tòa án nhân dân TPST, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. NTN; Sinh Ngày: 01/02/1980; Nơi sinh: Thành phố Cần Thơ; Nơi thường trú: KDC, Khóm B1, Phường B1, TPST, tỉnh Sóc Trăng; Chỗ ở: Khóm H, Phường B1, TPST, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Mua bán; Trình độ học vấn: 4/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn H, sinh năm: 1943 (chết) và bà Trần Thị Kim C, sinh năm: 1947; Vợ: NLQ1, sinh năm: 1985; Con: có 02 người, lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 07/9/2009 bị Tòa án nhân dân TPST tuyên phạt 06 tháng tù, về tội đánh bạc đến lần phạm tội lần này đã được xóa án tích; Bị cáo bị tạm giữ từ Ngày 26/11/2021, sau đó chuyển tạm giam cho đến nay. (có mặt tại điểm cầu thành phần)

2. NMC; Sinh Ngày 19/3/1988; Nơi sinh: Tỉnh Tiền Giang; Nơi cư trú: Khóm H, Phường B1, TPST, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Mua bán; Trình độ

học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1969 và bà Đoàn Thị L, sinh năm: 1963; Vợ: Trần Thị Diễm T, sinh năm: 1985 (đã ly hôn); Con: có 02 người, lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ Ngày 26/11/2021, sau đó chuyển tạm giam cho đến nay. (có mặt tại điểm cầu thành phần)

3. TPH; Sinh Ngày 02/10/1987; Nơi sinh: TPST, tỉnh Sóc Trăng; Nơi thường trú: Khóm B, Phường B, TPST, tỉnh Sóc Trăng; Khóm B, Phường H, TPST, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 3/12; Dân tộc: Hoa; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Từ Xuân TBL1, sinh năm: 1966 và bà Quách Hồng Thu, sinh năm: 1960; Vợ: HTT, sinh năm: 1994; Con: có 02 người, lớn sinh năm 2016, nhỏ sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 17/02/2009 bị Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng tuyên phạt 3 năm tù, về tội vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ, đến lần phạm tội lần này đã được xóa án tích; Bị cáo bị tạm giữ từ Ngày 26/11/2021, sau đó chuyển tạm giam cho đến nay. (có mặt tại điểm cầu thành phần)

4. HTT; Sinh năm 1994; Nơi sinh: Tỉnh Sóc Trăng; Nơi thường trú: Ấp HĐ, xã NT, huyện MX, tỉnh Sóc Trăng; Chỗ ở: Khóm B, Phường H, TPST, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Nội trợ; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông DMH1 Văn H, sinh năm: 1971 và bà Trần Thị E, sinh năm: 1972; Chồng: TPH, sinh năm: 1987; Con: có 02 người, lớn sinh năm 2016, nhỏ sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ Ngày 26/11/2021 đến Ngày 05/12/2021 thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. (có mặt tại điểm cầu trung tâm)

5. TTTr; Sinh Ngày 11/5/1980; Nơi sinh: Tỉnh Sóc Trăng; Nơi thường trú: Khóm B1, Phường 8, TPST, tỉnh Sóc Trăng; Chỗ ở: Khóm S, Phường B, TPST, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Mua bán; Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: Hoa; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông NQTh T, sinh năm: 1948 và bà Tăng Kim A, sinh năm: 1957; Chồng: Nhâm Chí B, sinh năm: 1978; Con: có 03 người, lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2005; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ Ngày 26/11/2021, sau đó chuyển tạm giam cho đến Ngày 23/12/2023 thay đổi biện pháp ngăn chặn bảo lãnh cho đến nay. (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

6. LHĐ; Tên gọi khác: LHĐ N; Sinh Ngày 11/6/1991; Nơi sinh: Tỉnh Sóc Trăng; Nơi cư trú: Khóm B1, Phường C, TPST, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lưu Văn H, sinh năm: 1967 và bà Đoàn Thị H, sinh năm: 1967; Vợ: Nguyễn Cao Cẩm T, sinh năm: 1992; Con: có 02 người, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ Ngày 26/11/2021, sau đó chuyển tạm giam cho đến nay. (có mặt tại điểm cầu thành phần)

7. NHNH; Sinh Ngày 04/5/1990; Nơi sinh: Tỉnh Sóc Trăng; Nơi cư trú: Khóm N, Phường H, TPST, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Mua bán; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1960 và bà DMH1 Thị Thúy H, sinh năm: 1958; Chồng: Hà Minh N, sinh năm: 1990; Con: có 01 người, sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ Ngày 26/11/2021, sau đó chuyển tạm giam cho đến nay. (có mặt tại điểm cầu thành phần)

8. TTThT; Sinh Ngày 08/12/1977; Nơi sinh: Tỉnh Hậu Giang; Nơi thường trú: Khóm B1, Phường B, TPST, tỉnh Sóc Trăng; Chỗ ở: Khóm N, Phường B, TPST, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Mua bán; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn T, sinh năm: 1950 (chết) và bà Trần Thị H, sinh năm: 1952; Chồng: Lê Thanh N (đã chết); Con: có 01 người, sinh năm 2004; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ Ngày 04/02/2022 cho đến nay. (có mặt tại điểm cầu trung tâm)

- *Người bào chữa cho các bị cáo NTN và HTT:* Ông Nguyễn Khánh T – Luật sư của Văn phòng luật sư Nguyễn Khánh T, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Sóc Trăng; (có mặt tại điểm cầu trung tâm)

- *Người bào chữa cho bị cáo NHNH:* Bà Trương Thị Mỹ L – Luật sư của Công ty Luật TNHH ĐA chi nhánh Sóc Trăng; (có mặt tại điểm cầu trung tâm)

- *Người bào chữa cho bị cáo NMC:* Ông Triệu Du N – Luật sư của Văn phòng Luật sư Triệu Du L, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Sóc Trăng; (có mặt tại điểm cầu trung tâm)

- *Người bào chữa cho bị cáo TTTr:* Ông Ngô Hồng T – Luật sư của Văn phòng Luật sư VL, thuộc Đoàn luật sư thành phố Cần Thơ. (có mặt tại điểm cầu trung tâm)

- *Những người không liên quan đến kháng cáo Hội đồng xét xử phúc thẩm không triệu tập gồm:* Các bị cáo: NQTh, DMH1, KD, TBL1, VTTB1, LVG2, ĐTKP, TNDTh, NVNg; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà NLQ1, bà NLQ2, bà NLQ3, ông NLQ4, bà NLQ5, bà NLQ6, LQ7; Người làm chứng bà NLC.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào mùng 7, mùng 8 tháng 01 năm 2021 bị cáo NTN có gặp Quách Sơn V. Bị cáo NTN thỏa thuận và bàn bạc với V là NTN nhận lô đề từ các chủ đề cấp dưới rồi giao cho V thông qua trang Web loto666.com. Quách Sơn V cấp cho NTN tài khoản HK202, mật khẩu (qqqq1111) thuộc loto666.com để theo dõi, quản lý việc mua bán lô đề với V.

Sau khi thỏa thuận được với V thì NTN tiến hành tổ chức đánh bạc dưới hình thức số đề, lô đề. NTN tổ chức bán số đề, lô đề với các hình thức là: số đầu đuôi, bao lô 02 con, bao lô 03 con, bao lô 04 con, xỉu chủ, đá 01 đài, đá 02 đài đối với các đài Miền Nam, Miền Bắc và Miền Trung, bán từ thứ hai đến chủ nhật.

Cách thức chơi số lô, số đề cụ thể như sau: Đầu, đuôi đối với các đài Miền Nam, các đài Miền Trung thì chơi lô 02 con của giải tám và 02 con số cuối cùng của giải đặc biệt. Còn Miền Bắc thì lô 02 con là 02 số cuối của giải đặc biệt và 04 cặp số đầu của giải bảy; Lô 02 là lấy hai con số cuối của các giải đối với đài Miền Nam, Miền Trung là 18 lô, Miền Bắc là 27 lô. Kết quả mở thưởng có con số đã chọn thì trúng; Lô 03 là lấy ba con số cuối của các giải đối với đài Miền Nam, Miền Trung là 17 lô, Miền Bắc là 23 lô. Kết quả mở thưởng có con số đã chọn thì trúng; Lô 04 là lấy bốn con số cuối của các giải đối với đài Miền Nam, Miền Trung là 16 lô, Miền Bắc là 20 lô. Kết quả mở thưởng có con số đã chọn thì trúng; Đá 01 đài, đá 02 đài là đá 02 con (02 cặp số), đá 03 con (03 cặp số), đá 04 con (04 cặp số) hai con số cuối cùng của các giải. Nếu kết quả có cùng lúc ít nhất 02 cặp trở lên thì trúng. Còn đá 02 đài thì chỉ cần có 02 cặp số của một hoặc hai đài vẫn trúng và xỉu chủ là lấy 03 con số cuối cùng của giải đặc biệt và lô 03 con của giải bảy (Miền Nam, Miền Trung), 03 lô giải sáu của Miền Bắc. Nếu kết quả có ở lô nào thì trúng lô đó.

Tỷ lệ thắng thua là: Đối với các đài Miền Nam và Trung: Đầu, đuôi và lô 02 con tỷ lệ 01 NVNgn trúng 70 NVNgn; Lô 03 con tỷ lệ 01 NVNgn trúng 600 NVNgn; Lô 04 con tỷ lệ 01 NVNgn trúng 06 triệu; Xỉu chủ tỷ lệ 01 NVNgn trúng 600 NVNgn; Đá 01 đài tỷ lệ 01 NVNgn trúng 650 NVNgn; Đá 02 đài tỷ lệ 01 NVNgn trúng 600 NVNgn; Đối với các đài Miền Bắc: Đầu, đuôi và lô 02 con tỷ lệ 01 NVNgn trúng 80 NVNgn; Lô 03 con tỷ lệ 01 NVNgn trúng 600 NVNgn; Lô 04 con tỷ lệ 01 NVNgn trúng 06 triệu; Xỉu chủ tỷ lệ 01 NVNgn trúng 600 NVNgn; Đá tỷ lệ 01 NVNgn trúng 650 NVNgn (không có đá 02 đài).

Để thực hiện hành vi mua bán số đề, lô đề bị cáo NTN thuê NQTh, TPH, NMC và HTT giúp cho NTN trong việc tổng hợp phôi đề của các tay, tính tiền thắng thua và thu, chi tiền thắng thua cho các tay em. Sau đó, NTN rữ rề được 32 tay em cấp dưới bán lô đề, số đề rồi giao cho NTN để hưởng tiền chênh lệch (hoa hồng) theo tỷ lệ từ 0,01 % đến 5% tùy theo từng người mà NTN đã thỏa thuận.

Đối với những chủ đề cấp dưới có total thì gọi lô đề trực tiếp lên total, còn những chủ đề cấp dưới không có total thì gọi lô đề bằng tin nhắn (SMS, Zalo, viber..) cho NTN. Sau đó NTN, NQTh, HTT, NMC sẽ chuyển lô đề lên loto. Khi có kết quả mở thưởng của các đài xổ số, loto sẽ tự động cập nhật kết quả và tính ra số tiền thắng thua của từng total và lợi nhuận của tài khoản HK202.

Bị cáo NTN sử dụng tài khoản totalst và thỏa thuận với chủ đề cấp dưới và chủ đề cấp trên, tỷ lệ giá tiền mua đề nhận của chủ đề cấp dưới cao hơn tỷ lệ giá tiền mua đề giao cho chủ đề cấp trên để hưởng chênh lệch. Trong số các lô đề nhận tin nhắn từ chủ đề cấp dưới, NTN sắp xếp một phần giao lên loto, một phần giao cho chủ đề cấp trên khác như: NMC (Cần Thơ), Trần Thị Phương T (giúp sức NMC), DCTha, DMH1, UTNTri, NTC1 và bị cáo NTN trực tiếp nhận lô đề

của 10 chủ đề cấp dưới: DMH1 Ngọc T2, Nguyễn Phương B2, DMH1 Cẩm K1, Bạch Thùy D, Tiêu Hoàng T4, Lê Thị M, UTNTri, Nguyễn Thị TP, Lý Trần Ng, Trần Văn Đ2.

Bị cáo NQTh ngoài việc quản lý tài khoản HK202, nếu các tay em cần tài khoản con thì NQTh sẽ tạo tài khoản con của tài khoản HK202, gọi tắt là tài khoản “total” để giao cho tay em. Riêng NQTh sử dụng 02 tài khoản total: thai.totalst và total.tr8tr67. Ngoài ra, bị cáo NQTh còn giúp NTN nhận lô đề của 11 chủ đề cấp dưới: NVNg, TBL1, ĐTKP, TNDTh, TTThT, TTTr, NHNH, LVG2; các đối tượng Nguyễn Minh T, Trần Tah, DMH1 Thị NHNH D. Hằng Ngày NQTh được NTN phân công nhiệm vụ tổng hợp toàn bộ kết quả thắng thua, lời lỗ của các thầu, chủ đề cấp dưới, người mua đề, báo kết quả cuối cùng về cho NTN. Đối với các lô đề mà NTN, NMC, HTT nhận từ các chủ đề cấp dưới người mua đề hoặc giao cho thầu khác bằng tin nhắn, thì sẽ copy tin nhắn lô đề chuyển qua cho NQTh, để NQTh tổng hợp tính tiền. Ngoài sử dụng kết quả từ loto, NQTh và một số bị cáo khác còn sử dụng thêm ứng dụng ki ốt số để tính kết quả thắng thua. Sau khi có kết quả thắng thua từ loto, ki ốt số, NQTh nhập kết quả vào bảng tính excel để tính kết quả thắng thua của từng thầu cấp trên, chủ đề cấp dưới, người mua đề và tính ra từng thầu, chủ đề cấp dưới, người mua đề tiền mua đề bao nhiêu, trúng bao nhiêu, tính ra kết quả lời hay lỗ, để NTN chung chi và tính ra lợi nhuận trong Ngày của NTN.

Bị cáo NMC sử dụng tài khoản total.acuong và giúp NTN nhận lô đề của 05 chủ đề cấp dưới: DMH1 và các đối tượng: Lê DMH1 N, Phạm Thị K, Thạch Thanh C3, Lê Thị Thu H4 và tổng hợp tiền thắng thua, thu chi của các thầu, chủ đề cấp dưới, người mua đề. Khi NQTh báo kết quả thắng thua về cho NTN, NTN sẽ đưa kết quả đó cho NMC. Từ kết quả đó, NMC sẽ cộng trừ với tiền còn lại của từng người của Ngày hôm trước sẽ ra kết quả phải thu, chi của từng người ra bao nhiêu, rồi in ra giấy đưa cho NTN kiểm tra, NMC nhập kết quả bằng bảng tính excel. Sau đó, NTN sẽ giao cho TPH đi thu chi với các thầu, chủ đề cấp dưới, người mua đề. Căn cứ vào đó, TPH tiến hành liên hệ thu, chi và giao nhận tiền trực tiếp hoặc chuyển khoản cho các chủ đề cấp dưới, người mua đề. Sau khi thu chi xong TPH báo kết quả về cho NTN, NTN đưa kết quả cho NMC, NMC nhập máy sẽ tính ra, từng người còn cù lại bao nhiêu, để hôm sau cộng trừ tính tiếp. Cũng như tính ra kết quả lợi nhuận hằng Ngày của NTN.

Bị cáo HTT giúp NTN nhận lô đề của 02 chủ đề cấp dưới: Trần Trọng T, Nguyễn Thị Hồng H.

Bị cáo TPH giúp bị cáo NTN trong việc đi thu, chi tiền mua đề, tiền trúng đề cho các tay em của NTN.

Việc chung chi với các chủ đề cấp dưới, người mua đề bị cáo NTN thỏa thuận: Nếu chủ đề cấp dưới, người mua đề lỗ số tiền lớn, thì NTN mới kêu TPH đi lấy, còn số tiền nhỏ (khoảng dưới 10 triệu đồng) sẽ để lại cộng dồn cho Ngày tiếp theo, cũng có khi chủ đề cấp dưới, người mua đề liên lạc với NTN, thống nhất, để lại hôm sau mới tính. Trường hợp chủ đề cấp dưới thắng, NTN kêu TPH đi giao tiền. Thường thì NTN sẽ thống nhất với các chủ đề cấp dưới, người mua đề

là giao tiền chẵn, còn phần lẻ sẽ để lại Ngày hôm sau cộng dồn, nhưng cũng có khi chủ đề cấp dưới, người mua đề sẽ trả đủ hoặc trả dư. Nên thường NTN nhắn tin cho TPH đi thu chi số tiền chẵn, chứ ít có khi thu chi đúng như số tiền lời lỗ trong Ngày.

Nếu như chủ đề cấp dưới, người mua đề thắng thì NTN sẽ liên hệ V chuyển tiền xuống cho NTN để trả (thông qua TPH), hoặc NTN vay tiền của TTTTr để trả trước, sau đó V sẽ chuyển xuống cho NTN. Trường hợp chủ đề cấp dưới, người mua đề thua, thì NTN kêu TPH đi thu về và giữ đó, đầu tuần thứ hai sẽ chuyển về cho V. Do có Ngày thắng, Ngày thua, nếu Ngày nào lời thì TPH đi thu về rồi giữ đó, hôm sau thua thì lấy tiền đó chung lại hoặc hôm nào thua, thì mượn tiền Trang để trả. Tổng kết tuần NTN mới thanh toán với V.

Đối với chủ đề cấp trên là NMC thì hằng Ngày NTN (giúp sức cho NMC) đối chiếu lời lỗ, cộng dồn cũng đến thứ hai hằng tuần mới tiến hành thanh toán. Còn lại là phần lợi nhuận của NTN, TPH sẽ bàn giao cho NTN.

Đối với các chủ đề cấp dưới của NTN gồm các bị cáo cũng như các đối tượng khác, sau khi bán hoặc nhận lô đề từ các chủ đề cấp dưới (cấp 2) và người mua đề thì chuyển lên cho NTN để hưởng tiền chênh lệch, bằng cách chuyển lên loto (nếu có total) hoặc qua tin nhắn cho NTN, NQTh, NMC, HTT. Khi có kết quả mở thưởng của các đài xổ số, các bị cáo tính ra kết quả thắng thua với NTN cũng như các chủ đề cấp dưới, người mua đề, rồi tiến hành chung chi.

Quá trình điều tra đã xác định được số tiền dùng đánh bạc của các bị cáo, cụ thể như sau:

1. Hành vi và số tiền đánh bạc của nhóm chủ thầu (chủ đề) gồm: NTN, NQTh, NMC, TPH, HTT.

- Ngày 14/11/2021 NTN nhận lô đề của 32 chủ đề cấp dưới, người mua đề, sau đó giao cho các chủ đề cấp trên [Quách Sơn V, T, C1, MCT, NQTh (NQTh tự giữ lại để thắng thua với NTN)]: Tổng tiền mua đề: 4.064.256.000 đồng; tổng trúng thưởng: 3.273.383.800 đồng; tổng tiền đánh bạc (với chủ đề cấp dưới): 7.337.639.700 đồng; NTN thu được lợi nhuận là: 56.263.400 đồng.

- Ngày 15/11/2021 NTN nhận lô đề của 32 chủ đề cấp dưới, người mua đề, sau đó giao cho các chủ đề cấp trên (Quách Sơn V, T, C1, MCT, NQTh): Tổng tiền mua đề: 3.319.808.200 đồng; tổng trúng thưởng: 2.926.126.000 đồng; tổng tiền đánh bạc (với chủ đề cấp dưới): 6.245.934.200 đồng; NTN thu được lợi nhuận là: 36.854.700 đồng.

- Ngày 16/11/2021 NTN nhận lô đề của 33 chủ đề cấp dưới, người mua đề, sau đó giao cho các chủ đề cấp trên (Quách Sơn V, T, C1, MCT): Tổng tiền mua đề: 3.180.145.200 đồng; tổng trúng thưởng: 2.071.861.500 đồng; tổng tiền đánh bạc (với chủ đề cấp dưới): 5.252.006.700 đồng; NTN thu được lợi nhuận là: 60.885.800 đồng.

- Ngày 17/11/2021 NTN nhận lô đề của 31 chủ đề cấp dưới, người mua đề, sau đó giao cho các chủ đề cấp trên (Quách Sơn V, T, C1, MCT, NQTh): Tổng

tiền mua đề: 3.008.841.500 đồng; tổng trúng thưởng: 2.489.290.000 đồng; tổng tiền đánh bạc (với chủ đề cấp dưới): 5.498.131.500 đồng; NTN thu được lợi nhuận là: 60.878.200 đồng.

- Ngày 18/11/2021 NTN nhận lô đề của 32 chủ đề cấp dưới, người mua đề, sau đó giao cho các chủ đề cấp trên (Quách Sơn V, T, C1, MCT, NQTh): Tổng tiền mua đề: 3.238.033.400 đồng; tổng trúng thưởng: 3.286.993.500 đồng; tổng tiền đánh bạc (với chủ đề cấp dưới): 6.525.026.900 đồng; NTN thu được lợi nhuận là: 55.789.200 đồng.

- Ngày 19/11/2021 NTN nhận lô đề của 30 chủ đề cấp dưới, người mua đề, sau đó giao cho các chủ đề cấp trên (Quách Sơn V, T, C1, MCT, NQTh): Tổng tiền mua đề: 4.143.957.100 đồng; tổng trúng thưởng: 4.100.318.800 đồng; tổng tiền đánh bạc (với chủ đề cấp dưới): 8.244.275.800 đồng; NTN thu được lợi nhuận là: 49.009.500 đồng.

- Ngày 20/11/2021 NTN nhận lô đề của 32 chủ đề cấp dưới, người mua đề, sau đó giao cho các chủ đề cấp trên (Quách Sơn V, T, C1, MCT, DCTha, NQTh): Tổng tiền mua đề: 4.096.505.900 đồng; tổng trúng thưởng: 3.586.189.800 đồng; tổng tiền đánh bạc (với chủ đề cấp dưới): 7.682.695.600 đồng; NTN thu được lợi nhuận là: 69.025.600 đồng.

- Ngày 21/11/2021 NTN nhận lô đề của 32 chủ đề cấp dưới, người mua đề, sau đó giao cho các chủ đề cấp trên (Quách Sơn V, T, C1, MCT, DCTha, NQTh): Tổng tiền mua đề: 4.010.375.100 đồng; tổng trúng thưởng: 3.884.819.800 đồng; tổng tiền đánh bạc (với chủ đề cấp dưới): 7.895.194.800 đồng; NTN thu được lợi nhuận là: 15.300.100 đồng.

- Ngày 22/11/2021 NTN nhận lô đề của 31 chủ đề cấp dưới, người mua đề, sau đó giao cho các chủ đề cấp trên (Quách Sơn V, T, MCT, DCTha, NQTh): Tổng tiền mua đề: 3.344.373.100 đồng; tổng trúng thưởng: 4.267.151.000 đồng; tổng tiền đánh bạc (với chủ đề cấp dưới): 7.611.524.100 đồng; NTN thu được lợi nhuận là: 57.726.700 đồng.

- Ngày 23/11/2021 NTN nhận lô đề của 31 chủ đề cấp dưới, người mua đề, sau đó giao cho các chủ đề cấp trên (Quách Sơn V, T, MCT, DCTha, NQTh): Tổng tiền mua đề: 3.529.351.200 đồng; tổng trúng thưởng: 5.813.548.300 đồng; tổng tiền đánh bạc (với chủ đề cấp dưới): 9.342.899.400 đồng; NTN lỗ số tiền: 1.099.200 đồng (do NMC làm rớt tin nên NTN bù lỗ).

- Ngày 24/11/2021 NTN nhận lô đề của 30 chủ đề cấp dưới, người mua đề, sau đó giao cho các chủ đề cấp trên (Quách Sơn V, T, MCT, DCTha, UTNTri, DMH1, NQTh): Tổng tiền mua đề: 4.422.139.400 đồng; tổng trúng thưởng: 3.593.747.000 đồng; tổng tiền đánh bạc (với chủ đề cấp dưới): 8.015.886.400 đồng; NTN thu được lợi nhuận là: 79.046.800 đồng.

- Ngày 25/11/2021 NTN nhận lô đề của 32 chủ đề cấp dưới, người mua đề, sau đó giao cho các chủ đề cấp trên (Quách Sơn V, T, C1, MCT, DMH1): Tổng tiền mua đề: 3.364.953.100 đồng; tổng trúng thưởng: 2.927.594.300 đồng; tổng

tiền đánh bạc (với chủ đề cấp dưới): 6.292.547.300 đồng; NTN thu được lợi nhuận là: 51.676.600 đồng.

- Ngày 26/11/2021 NTN nhận lô đề của 30 chủ đề cấp dưới, người mua đề, với số tiền đánh bạc (tiền mua đề cộng tiền trúng thưởng) là: 4.404.524.000 đồng, sau đó giao cho các chủ đề cấp trên (Quách Sơn V, T, C1, MCT, DCTha, DMH1, thầu khác) lô đề của đài Miền Nam và Miền Trung với tổng tiền đánh bạc là 4.272.681.700 đồng, do bị bắt nên NTN và đồng phạm có nhận số đề của đài Miền Bắc từ các chủ đề cấp dưới, nhưng chưa chuyển đi được (số đề) cho chủ đề cấp trên là 96.496.300 đồng.

+ Đài Miền Nam với tiền mua đề là: 1.616.336.000 đồng, tiền trúng thưởng là: 1.856.736.800 đồng, tổng tiền đánh bạc là: 3.473.072.800 đồng.

+ Đài Miền Trung với tiền mua đề là: 833.341.000 đồng, tiền trúng thưởng là: 0 đồng, tổng tiền đánh bạc là: 833.341.000 đồng

+ Đài Miền Bắc với tiền mua đề là: 98.110.200 đồng, tiền trúng thưởng là: 0 đồng, tổng tiền đánh bạc là: 98.110.200 đồng.

NTN thu được lợi nhuận là: 35.346.100 đồng.

Tổng số tiền đánh bạc của NTN và đồng phạm từ Ngày 14/11/2021 đến Ngày 26/11/2021 là: 90.348.286.600 đồng (tiền mua đề: 46.270.526.200 đồng, tiền trúng thưởng: 44.077.760.300 đồng). Tổng lợi nhuận NTN thu được là: 626.703.300 đồng.

Ngoài ra với tài liệu chứng cứ thu thập được từ các chủ đề cấp dưới của nhóm bị cáo NTN đã xác định số tiền mua bán lô đề của NTN với các bị cáo là chủ đề cấp dưới trong khoảng thời gian từ Ngày 14/11/2021 trở về trước, cụ thể:

- Nhận lô đề của TTTr, từ Ngày 09/11/2021 đến Ngày 13/11/2021 với tiền đánh bạc là: 20.761.000 đồng.

- Nhận lô đề của LHD, từ Ngày 01/7/2021 đến Ngày 13/11/2021 với tiền đánh bạc là: 13.544.466.100 đồng.

- Nhận lô đề của NHNH, từ Ngày 12/11/2021 đến Ngày 13/11/2021 với tiền đánh bạc là: 41.684.200 đồng.

- Nhận lô đề của TBL1 Ngày 13/11/2021 với tiền đánh bạc là: 371.110.000 đồng.

- Nhận lô đề của DMH1, từ Ngày 12/11/2021 đến Ngày 13/11/2021 với tiền đánh bạc là: 79.293.300 đồng.

- Nhận lô đề của NVNg, từ Ngày 18/6/2021 đến Ngày 12/11/2021 là 705.163.500 đồng.

- Nhận lô đề của TTThT, từ Ngày 24/10/2021 đến Ngày 26/10/2021 với tiền đánh bạc là: 105.809.000 đồng.

- Nhận lô đề của KD, từ Ngày 15/10/2021 đến Ngày 13/11/2021 với tiền đánh bạc là: 226.156.900 đồng.

Tổng số tiền đánh bạc nhóm bị cáo NTN đã nhận của các bị cáo TTTr, LHD, NHNH, TBL1, DMH1, NVNg, TTThT, KD trong khoảng thời gian trước Ngày 14/11/2021 là: 15.094.444.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền đánh bạc của bị cáo NTN trong 02 giai đoạn là: 105.442.730.600 đồng và thu lợi bất chính được 1.088.126.300 đồng.

Đối với bị cáo NQTh, ngoài hành vi cùng NTN tổ chức mua bán lô đề, thì NQTh còn tự giữ lô đề lên để ăn thua với NTN, trong số lô đề nhận từ các chủ đề cấp dưới. Việc này NQTh không cho NTN và những người khác biết, chỉ có NQTh và TBL1 biết. Thay gì tất cả những lô đề mà NTN yêu cầu NQTh chuyển cho các chủ đề cấp trên, thì NQTh giữ lại một phần lô đề để ăn thua với NTN (vai trò là chủ đề cấp trên). Do được phân công là người tính toán, tổng hợp kết quả thắng thua hằng Ngày, nên NQTh đã lợi dụng vào việc này và nhờ sự giúp đỡ của bị cáo TBL1. NQTh có chỉnh sửa tiền mua đề, tiền trúng của nhà cái Loto và của TBL1 (trong các bảng excel) cho phù hợp, nhưng vẫn giữ nguyên tiền thắng thua của nhà cái loto. NQTh chỉ chỉnh sửa tiền thắng thua của TBL1 với NTN, trong đây có tiền thắng thua của lô đề mà NQTh giữ lại. Khi NQTh báo kết quả thắng thua về cho NTN thì NTN hoàn toàn không biết phần lô đề NQTh giữ lại, khi NTN chung chi tiền với TBL1 xong, thì NQTh sẽ tính với TBL1 về phần tiền thắng thua NQTh. Trong quá trình giải trình kết quả lô đề, cơ quan điều tra đã dựa vào dữ liệu lô đề trên tài liệu ki ốt số để xác định tiền xác mua đề, tiền trúng thưởng, thắng thua của nhà cái loto, của TBL1 và phần lô đề mà bị cáo NQTh tự giữ lại thắng thua với NTN, cụ thể: Từ Ngày 14/11/2021 đến Ngày 25/11/2021 (không tính Ngày 17/11/2021) tổng tiền mua đề mà NQTh giữ lại là: 890.583.500 đồng, tổng tiền phải trả cho NTN là: 2.037.370.000 đồng, NQTh lỗ: 1.146.786,500 đồng (đã chung chi xong), tổng tiền đánh bạc của NQTh là: 2.927.953.500 đồng, NQTh phải chịu trách nhiệm riêng về hành vi này cũng với tội danh “tổ chức đánh bạc”.

2. Hành vi và số tiền đánh bạc của nhóm các bị cáo là chủ đề cấp dưới gồm: TTTr, KD, LVG2, LHD, VTTB1, NHNH, TBL1, TNDTh, ĐTKP, DMH1, NVNg, TTThT, như sau:

2.1. Hành vi và số tiền đánh bạc của bị cáo DMH1

Vào khoảng tháng 10/2021, bị cáo DMH1 nhận lô đề của con bạc đối với các đài Miền Nam, Miền Bắc và Miền Trung từ Thứ Hai đến Chủ Nhật với các hình thức bán số đầu đuôi, lô 02 con, lô 03 con, lô 04 con, đá 01 đài, đá 02 đài rồi chuyển cho NTN qua Zlao. Từ Ngày 12/11/2021 đến 26/11/2021 với số tiền đánh bạc là 938.020.400 đồng, thu lợi 17.295.600 đồng.

Ngoài ra, bị cáo DMH1 còn nhận lô đề của bị cáo NTN để ăn thua với NTN với vai trò là thầu cấp trên. Từ Ngày 24/11/2021 đến 26/11/2021 với số tiền 455.159.400 đồng, số tiền bị cáo thắng là 132.159.400 đồng và thu lợi bất chính là 122.431.000 đồng.

2.2. Hành vi và số tiền đánh bạc của bị cáo NHNH.

Vào khoảng tháng 8/2021, bị cáo NHNH bắt đầu nhận, bán lô đề của các thầu tay em, con bạc đối với các đài Miền Nam, Miền Bắc và Miền Trung từ thứ

Hai đến Chủ Nhật, với các hình thức bán số đầu đuôi, lô 02 con, lô 03 con, lô 04 con, xiu chủ, đá 01 đài, đá 02 đài rồi giao cho NTN qua tin nhắn Zalo, SMS ... để hưởng tiền chênh lệch.

Tổng tiền đánh bạc từ Ngày 12/11/2021 đến Ngày 26/11/2021 là: 24.731.810.400 đồng; thu lợi: 7.046.641 đồng (trừ Ngày 26/11/2021) còn: 5.466.000 đồng. Ngoài ra, bị cáo NHHH trình bày và thừa nhận tại phiên tòa số tiền thu lợi bất chính của bị cáo trong quá trình mua bán lô đề là 27.000.000 đồng. Do đó, xác định số tiền thu lợi bất chính của bị cáo NHHH là 27.000.000 đồng.

2.3. Hành vi và tiền đánh bạc của bị cáo LHD.

Bị cáo LHD, nhận phôi đề của các tay em, bán lô đề con bạc đối với các đài Miền Nam, Miền Bắc và Miền Trung từ Thứ Hai đến Chủ Nhật với các hình thức bán đề đầu đuôi, lô 02 con, lô 03 con, lô 04 con, xiu chủ, đá 01 đài, đá 02 đài rồi giao cho bị cáo NTN qua tài khoản total.ducnho, tin nhắn SMS, Zalo từ khoảng tháng 4/2021 đến khi bị bắt, để hưởng chênh lệch. Từ Ngày 01/7/2021 đến Ngày 26/11/2021 bị cáo LHD chuyển lô đề cho NTN với tổng số tiền là: 15.611.349.403 đồng, thu lợi 33.902.840 đồng trừ đi Ngày 26/11/2021 bị cáo chưa nhận là: 571.400 đồng, còn lại là 33.331.440 đồng.

2.4. Hành vi và tiền đánh bạc của bị cáo KD.

Vào khoảng tháng 02/2021, bị cáo KD nhận phôi đề của các tay em và cáo bán lô đề cho con bạc đối với các đài Miền Nam, Miền Bắc và Miền Trung từ Thứ Hai đến Chủ Nhật với các hình thức đầu đuôi, lô 02 con, lô 03 con, lô 04 con, xiu chủ, đá 01 đài, đá 02 đài rồi giao cho: NTN qua tài khoản total.ahung, DMH1 Quang Nhon qua tài khoản HK1101 và Nguyễn NY bằng tin nhắn qua các ứng dụng zalo, SMS, total, cụ thể:

- Từ Ngày 15/10/2021 đến Ngày 26/11/2021 tổng số tiền đánh bạc của bị cáo KD với bị cáo NTN là: 609.209.700 đồng, trong đó tiền mua đề 325.292.700 đồng, tiền trúng thưởng 284.000.000 đồng. Bị cáo KD thu được lợi nhuận là 3.252.927 đồng.

- Từ Ngày 20/9/2021 đến Ngày 02/10/2021 số tiền đánh bạc KD với DMH1 Quang Nhon: 4.060740.500 đồng, trong đó tiền mua đề 1.925.863.500 đồng, tiền trúng thưởng 2.134.877.000 đồng, lỗ 41.483.200 đồng. Do KD thỏa thuận với Nhon, trực tiếp ăn thua 20% trên tổng số tiền thắng nên KD không có thu được lợi nhuận.

- Tổng số tiền đánh bạc của KD với Nguyễn NY, từ Ngày 20/9/2021 đến Ngày 26/11/2021 là: 2.919.569.500 đồng. Do KD và NY chuyển số qua lại cho nhau nên không lấy tiền chênh lệch.

Tổng số tiền đánh bạc của bị cáo KD từ Ngày 20/9/2021 đến Ngày 26/11/2021 đối với các thầu cấp trên là: 7.589.682.200 đồng.

2.5. Hành vi và tiền đánh bạc của bị cáo TBL1.

Hằng Ngày, bị cáo TBL1 nhận lô đề của các thầu tay em, con bạc đối với các đài Miền Nam, Miền Bắc và Miền Trung từ thứ Hai đến Chủ Nhật, với các

hình thức bán số đầu đuôi, lô 02 con, lô 03 con, lô 04 con, xiu chủ, đá 01 đài, đá 02 đài rồi giao cho NTN qua tin nhắn SMS, Zalo ... để hưởng chênh lệch.

Tổng số tiền đánh bạc của TBL1 từ Ngày 13/11/2021 đến Ngày 26/11/2021 là: 4.552.502.100 đồng, thu lợi: 21.500.000 đồng.

Ngoài ra, bị cáo TBL1 còn giúp sức cho bị cáo NQTh trong việc NQTh giữ lại lô đề để ăn thua với NTN. Từ Ngày 14/11/2021 đến Ngày 25/11/2021 tổng tiền đánh bạc là: 2.927.953.500 đồng, TBL1 phải chịu trách nhiệm cùng với NQTh với vai trò là người giúp sức cho bị cáo NQTh.

2.6. Hành vi và số tiền đánh bạc của bị cáo VTTB1.

Bị cáo VTTB1, bắt đầu số đề từ khoảng tháng 9/2020. Hằng Ngày, bị cáo vi nhận, bán lô đề của các thầu tay em, con bạc từ Thứ Hai đến Chủ Nhật đối với các đài Miền Nam, Miền Bắc và Miền Trung, với các hình thức bán số đầu đuôi, lô 02 con, lô 03 con, lô 04 con, xiu chủ, đá 01 đài, đá 02 đài rồi giao cho NTN qua tài khoản total.cbich, tin nhắn SMS, Zalo...để hưởng chênh lệch.

Số tiền đánh bạc của VTTB1 từ Ngày 14/11/2021 đến Ngày 26/11/2021 là: 2.229.807.600 đồng, trong đó: tiền mua đề 1.019.737.600 đồng, tiền trúng thưởng: 1.210.070.000 đồng. Bị cáo VTTB1 thu được lợi nhuận: 15.551.400 đồng, riêng Ngày 26/11/2021 bị cáo chưa nhận được tiền hoa hồng là 2.197.200 đồng, còn lại: 13.354.200 đồng.

2.7. Hành vi và số tiền đánh bạc của bị cáo LVG2

Vào khoảng tháng 01/2020, bị cáo LVG2 tham gia đường dây đánh bạc. Bị cáo LVG2, nhận lô đề của các thầu tay em và bán số đề, số lô cho các con bạc từ Thứ Hai đến Chủ Nhật của các đài Miền Nam, Miền Bắc và Miền Trung với các hình thức đầu đuôi, lô 02 con, lô 03 con, lô 04 con, xiu chủ, đá 01 đài, đá 02 đài rồi giao cho NTN qua tài khoản total.agiau, tin nhắn SMS, Zalo để hưởng tiền chênh lệch. Từ Ngày 14/11/2021 đến Ngày 26/11/2021 LVG2 tổng số tiền đánh bạc với chủ thầu NTN là 1.696.949.800 đồng, trong đó tiền mua đề là 914.499.800 đồng, tiền trúng thưởng 782.450.000 đồng, lợi nhuận bị cáo LVG2 thu được là 6.034.000 đồng.

Ngoài việc chuyển cho chủ thầu NTN, bị cáo LVG2 còn giao phối đề cho Nhon. Từ Ngày 14/11/2021 đến Ngày 26/11/2021, LVG2 chuyển lô đề cho Nhon thông qua phần mềm “HK” với tổng tiền xác khoản 390.000.000 đồng (*không xác định được tiền trúng thưởng*), LVG2 thu được lợi nhuận 2.600.000 đồng.

Tổng tiền đánh bạc của bị cáo LVG2 đối với các thầu là 2.086.950.000 đồng, lợi nhuận 8.634.000 đồng.

2.8. Hành vi và tiền đánh bạc của bị cáo TNDTh.

Sau khi học ra trường, bị cáo ở lại TP. Hồ Chí Minh và Bình Dương làm việc trong bệnh viện chăm sóc thú nuôi, đến Ngày 30/4/2020 dịch covid bùng phát nên về Sóc Trăng. Khoản đầu năm 2021 TNDTh giúp mẹ là ĐTKP mua bán lô đề. Đến tháng 7, 8/2021 bị cáo tách riêng. Hằng Ngày bị cáo TNDTh nhận phối đề của tay em, bán đề trực tiếp cho các con bạc đối với các đài Miền Nam, Miền

Bắc và Miền Trung từ thứ Hai đến Chủ Nhật, với các hình thức bán số đầu đuôi, lô 02 con, lô 03 con, lô 04 con, xiu chủ, đá 01 đài, đá 02 đài rồi giao cho: NTN, LHD, Phạm Văn HTT, ĐTKP và HK1101 qua tin nhắn Zalo, Telegram, kiotso để hưởng tiền chênh lệch.

Số tiền đánh bạc của TNDTh giao cho bị cáo NTN từ Ngày 14/11/2021 đến Ngày 26/11/2021 là: 1.976.907.200 đồng, trong đó tiền mua đề 921.887.200 đồng, tiền trúng thưởng 1.055.020.000 đồng.

Ngoài ra, Ngày 26/11/2021 Thu nhận lô đề từ các chủ đề cấp dưới, người mua đề rồi chuyển cho các chủ đề cấp trên, cụ thể: .

- Giao cho LHD là: 13.485.000 đồng.
- Giao cho thầu Phạm Văn HTT: 8.220.000 đồng.
- Giao cho thầu (không rõ nhân thân, qua mạng) tài khoản HK1101 là: 4.535.000 đồng.
- Chuyển cho bị cáo ĐTKP: 7.005.670 đồng.

Tổng tiền đánh bạc trong Ngày 26/11/2021 của TNDTh với chủ đề cấp dưới là: 33.245.670 đồng, TNDTh được hưởng lợi nhuận: 559.200 đồng.

TNDTh, còn có hành vi giúp sức cho bị cáo ĐTKP trong việc ĐTKP mua bán lô đề với bị cáo NTN.

2.9. Hành vi và số tiền đánh bạc của bị cáo NVNg

Đầu năm 2021 bị cáo NVNg nhận lô đề của các tay em, trực tiếp bán đề cho các con bạc đối với các đài Miền Nam, Miền Bắc và Miền Trung với các hình thức bán số đầu đuôi, lô 02 con, lô 03 con, lô 04 con, xiu chủ, đá 01 đài, đá 02 đài rồi giao cho chủ thầu NTN để hưởng lợi nhuận.

- Từ Ngày 18/6/2021 đến Ngày 12/11/2021 với tiền đánh bạc là 705.163.500 đồng, thu lợi bất chính là 9.230.680 đồng.

- Từ Ngày 14/11/2021 đến Ngày 26/11/2021 với tiền đánh bạc là 987.642.150 đồng, thu lợi bất chính là 6.502.390 đồng.

Tổng tiền đánh bạc là 1.692.805.650 đồng, thu lợi bất chính là: 15.733.070 đồng, trừ Ngày 26/11/2021 chưa nhận, còn lại: 15.184.770 đồng.

Ngoài ra, với tài liệu thu được bị cáo giải trình những lần mua bán lô đề khác với tổng số tiền: 72.348.500 đồng, thu lợi 1.039.240 đồng, nhưng không xác định được thời gian, cơ quan điều tra không có cơ sở chứng minh nên không kết luận số liệu này, nên tách ra, làm rõ ở giai đoạn sau.

2.10. Hành vi và tiền đánh bạc của bị cáo ĐTKP

Vào năm 2020 thì bị cáo nhận lô đề của các thầu tay em, con bạc đối với các đài Miền Nam, Miền Bắc và Miền Trung từ Thứ Hai đến Chủ Nhật với các hình thức bán số đầu đuôi, lô 02 con, lô 03 con, lô 04 con, xiu chủ, đá 01 đài, đá 02 đài rồi giao cho NTN thông qua NQTh bằng qua tin nhắn SMS, để hưởng chênh lệch.

Từ Ngày 14/11/2021 đến Ngày 26/11/2021 với chủ thầu NTN là: 1.010.398.100 đồng. Hưởng chênh lệch: 7.294.900 đồng, trừ Ngày 26/11/2021 là 1.118.100 đồng bị cáo chưa nhận được, còn lại 6.176.800 đồng.

Ngoài việc tự mua bán lô đề, thì ĐTKP còn được sự giúp sức của con gái ruột là bị cáo TNDTh, do đó ĐTKP còn phải chịu trách nhiệm với số tiền đánh bạc mà TNDTh đã giúp sức cho bị cáo.

Trong số lô đề nhận từ thầu tay em, con bạc, thì ĐTKP còn giữ lại một phần lô đề để tự ăn thua, cụ thể Ngày 26/11/2021 với số tiền: 61.544.400 đồng. Bị cáo phải tự chịu trách nhiệm về hành vi “tổ chức đánh bạc” của mình.

2.11. Tiền đánh bạc của bị cáo TTThT

Bị cáo TTThT thừa nhận giao phối đề cho bị cáo NTN, cụ thể:

- Ngày 24/10/2021: tiền đánh bạc trong Ngày: 41.341.000 đồng.
- Ngày 25/10/2021: tiền đánh bạc trong Ngày: 27.171.000 đồng.
- Ngày 26/10/2021: tiền đánh bạc trong Ngày: 37.297.000 đồng.

Ngoài ra, từ Ngày 14/11/2021 đến Ngày 26/11/2021 bị cáo còn nhận phối của các tay em đối với các đài Miền Bắc, đài Miền Nam và đài Miền Trung giao cho NTN để hưởng chênh lệch là: 288.738.200 đồng.

Tổng số tiền đánh bạc: 394.547.200 đồng, thu lợi bất chính là: 4.500.000 đồng.

2.12. Hành vi và số tiền đánh bạc của bị cáo TTTr.

Bị cáo TTTr, có hành vi hằng Ngày bán lô đề từ Thứ Hai đến chủ Nhật cho các con bạc đối với các đài Miền Nam, Miền Bắc với các hình thức đầu đuôi, lô 02 con, lô 03 con, lô 04 con rồi giao cho bị cáo NTN bằng cách nhắn tin qua Zalo, SMS ... để hưởng lợi nhuận. Từ Ngày 09/11/2021 đến Ngày 26/11/2021 số tiền đánh bạc của bị cáo TTTr là 96.794.700 đồng, trong đó tiền mua đề là 56.869.700, tiền trúng thưởng là 39.925.000 đồng. Bị cáo TTTr thu được lợi nhuận là 2.605.480.000 đồng.

Ngày 24/11/2021 có cho bị cáo NTN mượn tiền 500.000.000 đồng để chung chi tiền cho các tay em. Ngoài lần này ra còn có nhiều lần khác cho bị cáo NTN vay tiền để chung tiền lô đề cho các tay em.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 160/2022/HS-ST Ngày 22/12/2022 của Tòa án nhân dân TPST, tỉnh Sóc Trăng quyết định:

Căn cứ điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 322; điểm a, g khoản 1 Điều 52; điểm r, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo NTN.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 322; điểm a, g khoản 1 Điều 52; điểm r, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo NMC, TPH và HTT.

Căn cứ điểm c khoản 1, khoản 3 Điều 322; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm

r, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 56 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo LHD.

Căn cứ điểm c khoản 1, khoản 3 Điều 322; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm r, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo NHNH, TTThT và TTTr.

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, b, c khoản 2 Điều 106, Điều 292, Điều 293 và Điều 298 của Bộ luật Tố tụng Hình sự:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, Ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Tuyên bố: Các bị cáo NTN, NMC, TPH, HTT, NHNH, TTTr, LHD và TTThT phạm tội “Tổ chức đánh bạc”.

2. Xử phạt các bị cáo:

2.1 Xử phạt bị cáo NTN 07 (bảy) năm tù. Thời hạn thi hành án hình phạt tù tính từ Ngày 26/11/2021. Hình phạt bổ sung: 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng)

2.2 Xử phạt bị cáo NMC 05 (năm) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn thi hành án hình phạt tù tính từ Ngày 26/11/2021.

2.3 Xử phạt bị cáo TPH 05 (năm) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn thi hành án hình phạt tù tính từ Ngày 26/11/2021.

2.4 Xử phạt bị cáo HTT 05 (năm) năm tù. Thời hạn thi hành án hình phạt tù tính từ Ngày bắt bị cáo thi hành án hoặc Ngày bị cáo tự nguyện chấp hành án.

2.5 Xử phạt bị cáo NHNH 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn thi hành án hình phạt tù tính từ Ngày 26/11/2021. Hình phạt bổ sung: 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng)

2.6 Xử phạt bị cáo LHD 04 (bốn) năm 03 (ba) tháng tù. Tổng hợp hình phạt 01 (một) năm tù tại Bản án số 71/2022/HS-ST, Ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân TPST, tỉnh Sóc Trăng. Buộc bị cáo LHD chấp hành chung cả hai bản án là 05 (năm) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn thi hành án hình phạt tù tính từ Ngày 26/11/2021. Hình phạt bổ sung: 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng)

2.7 Xử phạt bị cáo TTThT 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn thi hành án hình phạt tù tính từ Ngày bắt bị cáo hoặc Ngày bị cáo tự nguyện chấp hành án. Hình phạt bổ sung: 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng)

2.8. Xử phạt bị cáo TTTr 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn thi hành án hình phạt tù tính từ Ngày 26/11/2021. Hình phạt bổ sung: 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên xử phạt đối với các bị cáo bị cáo NQTh, DMH1, KD, TBL1, VTTB1, LVG2, ĐTKP, TNDTh, NVNg, tuyên về án phí, xử lý vật chứng và quyền kháng cáo của các bị cáo và người tham gia tố tụng khác.

* Ngày 29/12/2022, bị cáo TTTr kháng cáo xin giảm hình phạt bằng với thời hạn đã tạm giam trước.

* Ngày 03/01/2023, các bị cáo NHNH, LHD kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

* Ngày 04/01/2023, bị cáo NTN kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin lại số tiền của bị cáo mà bị cáo TPH gửi trong tài khoản ngân hàng của TPH, vì số tiền này là tiền của bị cáo cho vay và tiền hui của bị cáo; Bị cáo HTT kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo; Bị cáo NMC kháng cáo xin giảm hình phạt.

* Ngày 05/01/2023, bị cáo TPH và TTThT kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng Ngày 19/01/2023 bị cáo TPH có đơn xin rút yêu cầu kháng cáo;

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo NTN giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt do bị cáo rất ăn năn hối cải, thật thà khai báo, bị cáo chỉ là người phụ giúp cho Quách Xuân V và xin lại số tiền của bị cáo mà bị cáo TPH gửi trong tài khoản ngân hàng của TPH, vì số tiền này là tiền của bị cáo cho vay và tiền hui của bị cáo.

- Bị cáo HTT giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo. Lý do, bị cáo mới phụ giúp cho NTN khoảng 10 Ngày thì bị phát hiện và chưa nhận tiền công nên yêu cầu xử bị cáo ở khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự, không áp dụng tình tiết tăng nặng là “phạm tội có tổ chức” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự và đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 54 của Bộ luật Hình sự vì bị cáo là đồng phạm giúp sức có vai trò không đáng kể. Hiện gia đình khó khăn, nuôi con nhỏ, chồng bị cáo (là TPH) cũng chung vụ án này. Đã nộp án phí sơ thẩm là 200.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0000360 Ngày 10/02/2023 của Cục thi hành án Dân sự tỉnh Sóc Trăng.

- Bị cáo LHD giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt do mức án sơ thẩm tuyên là quá nặng với các lý do bị cáo sẽ động viên gia đình khắc phục đầy đủ số tiền thu lợi bất chính và số tiền phạt, bị cáo mới phạm tội lần đầu và bị cáo tích cực khai báo và bổ sung kháng cáo xin lại số tiền bị thu giữ là 121.900.000 đồng do đây là tiền mua bán cà phê của bị cáo.

- Bị cáo NMC giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm hình phạt do mức án tại bản án sơ thẩm cao hơn so với hành vi phạm tội của bị cáo.

- Bị cáo TPH giữ nguyên yêu cầu xin rút yêu cầu kháng cáo.

- Bị cáo NHNH giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt với các lý do bản thân đã thấy được hành vi sai phạm và rất ăn năn hối cải, thiếu hiểu biết về pháp luật, phạm tội lần đầu, mức án tòa tuyên phạt là quá cao. Bị cáo đã nộp tiền thu lợi bất chính 12.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0000366 Ngày 22/02/2023 của Cục thi hành án Dân sự tỉnh Sóc Trăng.

- Bị cáo TTThT giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt do chồng mất từ năm 2008, nhà chỉ có hai mẹ con, là lao động chính, lần đầu phạm

tội, đã khắc phục hậu quả và bổ sung kháng cáo xin hưởng án treo vì bị cáo đã nộp tiền phạt bổ sung 20.000.000 đồng và nộp tiền án phí 200.000 đồng.

- Bị cáo TTTr giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm hình phạt bằng với thời hạn đã tạm giam trước. Bản án sơ thẩm xử phạt 01 năm 03 tháng tù là quá nghiêm khắc, nay xin giảm hình phạt bằng thời gian bị tạm giam trước 01 năm 27 Ngày. Hiện nay bị cáo bị bệnh viêm gan, viêm đa dây thần kinh, rối loạn tiền đình, trào ngược dạ dày, đã phẫu thuật cắt túi mật, là người dân tộc Hoa, hiểu biết pháp luật còn hạn chế, bị cáo sám hối và rất ân hận về hành vi vi phạm pháp luật. Bị cáo đã nộp phạt bổ sung số tiền 20.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0000385 Ngày 13/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự TPST, tỉnh Sóc Trăng.

- Luật sư T phát biểu ý kiến và đề nghị bào chữa cho bị cáo NTN: Thống nhất về tội danh. Bị cáo chỉ giúp sức cho V, giai đoạn trước Ngày 14/11/2021 chưa được làm rõ, đối với số tiền trong tài khoản của bị cáo TPH là của bị cáo gửi chứ không phải số tiền đánh bạc, tổng số tiền trong tài khoản là 1.097.000.000 đồng như vậy phù hợp với số tiền thu lợi bất chính là 1.035.000.000 đồng, nên không phải tiền đánh bạc, vì tiền đã chi hết rồi nên việc tịch thu là không có căn cứ. Đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị cáo NTN.

- Luật sư T phát biểu ý kiến và đề nghị bào chữa cho bị cáo HTT: Thống nhất về tội danh, bị cáo chưa thu lợi. Đề nghị xử bị cáo theo khoản 1, không xem xét khoản 2 do bị cáo không thu lợi bất chính trên 50.000.000 đồng. Tuy có vai trò đồng phạm nhưng không buộc chung khoản với các bị cáo khác. Đề nghị xem xét mức hình phạt ở khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo có vai trò không đáng kể do HTT tham gia hay không tham gia thì không ảnh hưởng đến hành vi của bị cáo NTN. Đồng phạm giản đơn chưa đến mức có tổ chức, các bị cáo liên lạc với nhau qua zalo và trong thời gian ngắn và các lý do theo đơn kháng cáo của bị cáo. Đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị cáo cho bị cáo được hưởng án treo.

- Luật sư L phát biểu ý kiến và đề nghị bào chữa cho bị cáo NHHH: Thống nhất tội danh và thống nhất các tình tiết giảm nhẹ như kiểm sát viên đề nghị. Bị cáo đủ điều kiện áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, mức phạt căn cứ vào thu lợi bất chính ở khoản giữa của khoản 1 mới tương xứng và xử phạt từ 2 đến 3 năm tù là phù hợp. Hình phạt chưa tương xứng đề nghị giảm nhẹ cho bị cáo.

- Luật sư T phát biểu ý kiến và đề nghị bào chữa cho bị cáo TTTr: Thống nhất về tội danh, thống nhất đề nghị của Kiểm sát viên giảm hình phạt cho bị cáo bằng mức đã tạm giam trước. Bị cáo đã đóng tiền hình phạt bổ sung và nộp án phí. Bị cáo đang bệnh kinh niên kéo dài. Đề nghị giảm phần hình phạt còn lại bằng thời hạn đã tạm giam là 01 năm 27 Ngày tù.

- Luật sư N phát biểu ý kiến và đề nghị bào chữa cho bị cáo NMC: Thống nhất về tội danh, bị cáo không có tổ chức, bị cáo chỉ nhận phôi đề rồi chuyển cho bị cáo NTN. Bị cáo không thu lợi bất chính. Đề nghị áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự để quyết định mức hình phạt đối với bị cáo, sửa án giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào Điều 348, Điều 356 và Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2021), đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo TPH, chấp nhận kháng cáo của các bị cáo TTTr, NHNH, TTThT sửa bản án sơ thẩm về hình phạt, giảm hình phạt tù từ 03 đến 06 tháng đối với các bị cáo TTThT, NHNH và giảm hình phạt cho bị cáo TTTr bằng thời hạn tạm giam của bị cáo. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo còn lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo và phạm vi xét xử phúc thẩm: Xét Đơn kháng cáo của bị cáo TTTr lập Ngày 29/12/2022 và nộp cho Tòa án cấp sơ thẩm thông qua dịch vụ bưu chính Ngày 30/12/2022; Đơn kháng cáo của các bị cáo NHNH, LHD được Trại tạm giam Công an tỉnh Sóc Trăng xác nhận vào Ngày 03/01/2023; Đơn kháng cáo của các bị cáo NTN, NMC được nhà Trại tạm giam Công an tỉnh Sóc Trăng xác nhận vào Ngày 04/01/2023; Đơn kháng cáo của bị cáo TPH được Trại tạm giam Công an tỉnh Sóc Trăng xác nhận vào Ngày 05/01/2023; Đơn kháng cáo của bị cáo HTT lập và nộp cho Tòa án cấp sơ thẩm vào Ngày 04/01/2023; Đơn kháng cáo của bị cáo TTThT lập và nộp cho Tòa án cấp sơ thẩm vào Ngày 05/01/2023 là đúng quy định về người kháng cáo, thời hạn kháng cáo, hình thức, nội dung kháng cáo theo quy định tại các điều 331, 332 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (Sửa đổi bổ sung năm 2021). Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo TPH rút toàn bộ kháng cáo nên Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào Điều 348 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021), quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo TPH. Căn cứ vào Điều 345 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021), Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét kháng cáo của các bị cáo NTN, NMC, NHNH, HTT, TTTr, TTThT và LHD theo trình tự phúc thẩm.

[2] **Xét về hành vi phạm tội của các bị cáo như sau:** Trong khoảng thời gian từ Ngày 14 đến Ngày 26/11/2021, NTN, NQTh, NMC, TPH, HTT đã nhận lô đề của từ 30 đến 33 chủ đề cấp dưới và người mua đề, sau đó giao cho từ 04 đến 07 chủ đề cấp trên (*Quách Sơn V, T, C1, MCT, DCTha, UTNTri, DMH1, NQTh*). Tổng số tiền đánh bạc của nhóm thầu đề gồm NTN, NMC, TPH, HTT từ Ngày 14 đến Ngày 26/11/2021 là: 90.348.286.600 đồng (Trong đó, tiền mua đề: 46.270.526.200 đồng, tiền trúng thưởng: 44.077.760.300 đồng). Tổng lợi nhuận NTN thu được là: 626.703.300 đồng.

Từ các tài liệu chứng cứ thu thập được của các chủ đề cấp dưới gồm TTTr, LHD, NHNH, TBL1, DMH1, NVNg, TTThT, KD thì có căn cứ xác định số tiền mua bán lô đề của nhóm bị cáo NTN với các bị cáo là chủ đề cấp dưới trong khoảng thời gian từ Ngày 14/11/2021 trở về trước là: 15.094.444.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc của nhóm bị cáo NTN trong 02 giai đoạn là: 105.442.730.600

đồng; tổng thu lợi bất chính của bị cáo NTN thu được từ Ngày 05/11/2021 đến Ngày 26/11/2021 là: 1.088.126.300 đồng.

Số tiền đánh bạc của các bị cáo chủ đề cấp 1 là LHD, NHNH, TTTr và TTThT trên 20.000.000 đồng, nhưng số tiền thu lợi bất chính dưới 50.000.000 đồng. Lời thừa nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời thừa nhận của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác mà Cơ quan điều tra đã thu thập được trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm kết luận các bị cáo NTN, NMC, TPH, HTT phạm tội “Tổ chức đánh bạc” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 322 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), các bị cáo TTTr, LHD, NHNH, TTThT phạm tội “Tổ chức đánh bạc” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo NTN, về việc xin giảm nhẹ hình phạt, Hội đồng xét xử thấy: Khi lượng hình, Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định bị cáo có 02 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội có tổ chức và phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm a, g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017); Đồng thời Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo; Tự khai ra những lần phạm tội trước đó; Không có tiền án, tiền sự; Về nhân thân có 01 bản án kết tội “Đánh bạc” năm 2009 nhưng đã được xoá án tích. Từ đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm r, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng pháp luật. Xét Hội đồng xét xử sơ thẩm xử phạt bị cáo NTN mức hình phạt 07 năm tù là tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, đặc điểm nhân thân của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới hoặc đáng lẽ bị cáo được hưởng nhưng cấp sơ thẩm chưa áp dụng hoặc tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự mà cấp sơ thẩm áp dụng không chính xác đối với bị cáo. Do đó, kháng cáo của bị cáo NTN về việc xin giảm nhẹ hình phạt là không có căn cứ chấp nhận.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo NTN, về việc xin lại số tiền của bị cáo mà bị cáo TPH gửi trong tài khoản ngân hàng của TPH, vì bị cáo cho rằng số tiền này là tiền của bị cáo cho vay và tiền hui của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo là người phân công bị cáo TPH đi thu chi, giao nhận tiền trực tiếp hoặc chuyển khoản với các thầu, chủ đề cấp dưới, người mua đề và báo kết quả về cho NTN. Nhưng theo bị cáo TPH khai tại phiên tòa sơ thẩm thì số tiền này là tiền số đề do bị cáo TPH thu tiền của các tay em. Bị cáo kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo là có căn cứ và hợp pháp. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo TPH thừa nhận số tiền trong tài khoản ngân hàng có cả số tiền mượn, tiền cho vay và tiền số đề. Sự thừa nhận này nhằm trốn tránh

nghĩa vụ đối với Nhà nước. Do đó, kháng cáo của bị cáo NTN về việc xin lại số tiền trong tài khoản ngân hàng của bị cáo TPH là không có căn cứ chấp nhận.

[5] Xét kháng cáo của bị cáo NMC, về việc giảm hình phạt, Hội đồng xét xử thấy: Khi lượng hình, Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định bị cáo có 02 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội có tổ chức và phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm a, g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017); Đồng thời, Hội đồng xét xử xác định bị cáo đã thành khẩn khai báo; Tự khai ra những lần phạm tội trước đó; Không có tiền án, tiền sự. Từ đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm r, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng pháp luật. Xét Hội đồng xét xử sơ thẩm xử phạt bị cáo NMC mức hình phạt 05 năm 03 tháng tù là tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, đặc điểm nhân thân của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới hoặc đáng lẽ bị cáo được hưởng nhưng cấp sơ thẩm chưa áp dụng hoặc tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự mà cấp sơ thẩm áp dụng không chính xác đối với bị cáo. Do đó, kháng cáo của bị cáo NMC về việc xin giảm nhẹ hình phạt là không có căn cứ chấp nhận.

[6] Xét kháng cáo của bị cáo HTT, về việc xin giảm nhẹ hình phạt, Hội đồng xét xử thấy: Khi lượng hình, Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định bị cáo có 02 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội có tổ chức và phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm a, g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017); Đồng thời, Hội đồng xét xử xác định bị cáo đã thành khẩn khai báo; Tự khai ra những lần phạm tội trước đó; Không có tiền án, tiền sự; ông nội của bị cáo là người có công với Cách Mạng. Từ đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm r, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng pháp luật. Xét Hội đồng xét xử sơ thẩm xử phạt bị cáo HTT mức hình phạt 05 năm tù là tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; đặc điểm nhân thân của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới hoặc đáng lẽ bị cáo được hưởng nhưng cấp sơ thẩm chưa áp dụng hoặc tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự mà cấp sơ thẩm áp dụng không chính xác đối với bị cáo. Xét trong vụ án này bị cáo là đồng phạm giúp sức cho bị cáo NTN nên phải chịu các tình tiết tăng nặng như bị cáo NTN, việc bị cáo HTT cho rằng không phạm tội có tổ chức là không có căn cứ. Do đó, kháng cáo của bị cáo HTT yêu cầu xem xét hành vi của bị cáo phạm vào khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và xin giảm nhẹ hình phạt với lý do không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “phạm tội có tổ chức” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự và đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 54 của Bộ luật hình sự là không có căn cứ chấp nhận.

[7] Xét kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo HTT: Bị cáo HTT bị xử phạt tù ở mức 05 năm tù nên không đủ điều kiện để được xem xét cho hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[8] Xét kháng cáo của bị cáo LHĐ về việc xin giảm nhẹ hình phạt, Hội đồng xét xử thấy: Khi lượng hình, Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017); Đồng thời, Hội đồng xét xử xác định bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Tự khai ra những lần phạm tội trước đó; Không có tiền án, tiền sự; Đã nộp lại một phần số tiền thu lợi bất chính. Từ đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm r, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng pháp luật. Xét Hội đồng xét xử sơ thẩm xử phạt bị cáo LHĐ mức hình phạt 04 năm 03 tháng tù và Tổng hợp hình phạt 01 (một) năm tù tại Bản án số 71/2022/HS-ST, Ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân TPST, tỉnh Sóc Trăng. Buộc bị cáo LHĐ chấp hành chung cả hai bản án là 05 (năm) năm 03 (ba) tháng tù là tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; đặc điểm nhân thân của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới hoặc đáng lẽ bị cáo được hưởng nhưng cấp sơ thẩm chưa áp dụng hoặc tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự mà cấp sơ thẩm áp dụng không chính xác đối với bị cáo. Do đó, kháng cáo của bị cáo về việc xin giảm nhẹ hình phạt là không có căn cứ chấp nhận.

[9] Xét kháng cáo bổ sung của bị cáo LHĐ, về việc xin nhận lại số tiền 121.900.000 đồng, Hội đồng xét xử thấy: Trong giai đoạn điều tra, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo đều thừa nhận khoản tiền này từ việc đánh bạc, nhưng tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo thay đổi lời khai khoản tiền này là tiền mua bán, nhưng bị cáo không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo là có căn cứ hợp pháp. Do đó, kháng cáo bổ sung của bị cáo về việc xin nhận lại số tiền này là không có căn cứ chấp nhận.

[10] Xét kháng cáo của bị cáo NHNH, về việc xin giảm nhẹ hình phạt, Hội đồng xét xử thấy: Khi lượng hình, Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017); Đồng thời, Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Tự khai ra những lần phạm tội trước đó; Không có tiền án, tiền sự; Đã nộp lại một phần số tiền thu lợi bất chính. Từ đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm r, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng pháp luật. Xét Hội đồng xét xử sơ thẩm xử phạt bị cáo 04 năm 06 tháng tù là tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; đặc điểm nhân thân của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, trong giai đoạn phúc thẩm bị cáo đã nộp số tiền thu lợi bất chính là 12.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0000366 Ngày 22/02/2023 của Cục thi

hành án Dân sự tỉnh Sóc Trăng. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) phát sinh ở giai đoạn phúc thẩm. Do đó, kháng cáo của bị cáo NHHH về việc xin giảm nhẹ hình phạt là có căn cứ chấp nhận.

[11] Xét kháng cáo của bị cáo TTThT, về việc xin giảm nhẹ hình phạt, Hội đồng xét xử thấy: Khi lượng hình, Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017); Đồng thời, Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Tự khai ra những lần phạm tội trước đó; Không có tiền án, tiền sự; Đã nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính theo quy định tại điểm r, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) để quyết định mức hình phạt 01 năm 06 tháng tù. Tuy nhiên, bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, trong giai đoạn phúc thẩm bị cáo đã nộp số tiền phạt bổ sung là 20.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0000322 Ngày 22/3/2023 của Cục thi hành án Dân sự tỉnh Sóc Trăng. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) phát sinh ở giai đoạn phúc thẩm. Do đó, kháng cáo của bị cáo TTThT về việc xin giảm nhẹ hình phạt là có căn cứ chấp nhận.

[12] Xét kháng cáo bổ sung của bị cáo TTThT, về việc xin hưởng án treo, Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo bị xử phạt tù không quá 03 năm, bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm r, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), có nơi cư trú rõ ràng. Tuy nhiên, bị cáo phạm tội 02 lần trở lên, loại tội phạm bị cáo phạm phải đang có chiều hướng gia tăng trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng, việc cho các bị cáo hưởng án treo không có tác dụng răn đe phòng chống tội phạm. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo TTThT về việc xin hưởng án treo.

[13] Xét kháng cáo của bị cáo TTTr, về việc xin giảm hình phạt bằng với thời hạn đã tạm giam trước, Hội đồng xét xử thấy: Khi lượng hình, Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017); Đồng thời, Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo; Tự khai ra những lần phạm tội trước đó; Không có tiền án, tiền sự; Bị cáo tham gia tích cực vào hoạt động từ thiện của địa phương trong mùa dịch covid 2019 và đã được chính quyền địa phương gửi 06 thư cảm tạ theo quy định tại điểm r, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) để quyết định mức hình phạt 01 năm 03 tháng tù. Tuy nhiên, bị cáo bị tạm giam trước với thời gian 01 năm 27 Ngày, bị cáo kháng cáo xin giảm hình phạt bằng với thời hạn đã tạm giam trước, đồng thời trong giai đoạn phúc thẩm bị cáo đã nộp số tiền phạt bổ sung là 20.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0000385 Ngày 13/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự TPST, tỉnh Sóc Trăng. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm

hành sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) phát sinh ở giai đoạn phúc thẩm. Do đó, kháng cáo của bị cáo TTTr về việc xin giảm hình phạt bằng với thời hạn đã tạm giam trước là có căn cứ chấp nhận.

[14] Xét lời bào chữa của luật sư bào chữa cho bị cáo NTN, HTT, NMC là không có căn cứ chấp nhận; Xét lời bào chữa của luật sư bào chữa cho bị cáo NHNH, TTTr là có căn cứ chấp nhận.

[15] Xét Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị đình chỉ việc xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bị cáo TPH; Không chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt của các bị cáo NTN, HTT, NMC, LHĐ; không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo TTThT, HTT; Không chấp nhận kháng cáo về việc xin nhận lại số tiền của các bị cáo NTN, LHĐ; Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo NHNH, TTTr và TTThT về việc xin giảm hình phạt là có căn cứ chấp nhận.

[16] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do chấp nhận kháng cáo, sửa quyết định về hình sự và đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của TPH nên bị cáo NHNH, TTTr, TTThT và TPH không phải chịu án phí phúc thẩm; Do không chấp nhận kháng cáo nên các bị cáo NTN, HTT, NMC, LHĐ phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[17] Các phần khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ Ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ vào Điều 348; điểm a, b, đ khoản 1, 2 Điều 355; Điều 356; Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2021).

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo TPH.

2. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo NTN về việc xin giảm hình phạt và xin lại số tiền trong tài khoản ngân hàng của bị cáo TPH; Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo NMC về việc xin giảm hình phạt; Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo LHĐ về việc xin giảm hình phạt và xin lại số tiền 121.900.000 đồng; Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo TTThT về việc xin hưởng án treo; Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo HTT về việc xin giảm hình phạt và xin hưởng án treo.

Giữ nguyên một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 160/2022/HS-ST Ngày 22/12/2022 của Tòa án nhân dân TPST, tỉnh Sóc Trăng về hình phạt đối với các bị cáo NTN, TPH, NMC, LHĐ như sau:

2.1 Căn cứ điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 322; điểm a, g khoản 1 Điều 52; điểm r, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự

đối với bị cáo NTN. Xử phạt bị cáo NTN **07** (bảy) năm tù về tội “Tổ chức đánh bạc”. Thời hạn thi hành án hình phạt tù tính từ Ngày 26/11/2021.

Hình phạt bổ sung: 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng)

2.2 Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 322; điểm a, g khoản 1 Điều 52; điểm r, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo NMC. Xử phạt bị cáo NMC 05 (năm) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”. Thời hạn thi hành án hình phạt tù tính từ Ngày 26/11/2021.

2.3 Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 322; điểm a, g khoản 1 Điều 52; điểm r, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo HTT. Xử phạt bị cáo HTT 05 (năm) năm tù về tội “Tổ chức đánh bạc”. Thời hạn thi hành án hình phạt tù tính từ Ngày bắt bị cáo thi hành án hoặc Ngày bị cáo tự nguyện chấp hành án.

2.4. Căn cứ điểm c khoản 1, khoản 3 Điều 322; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm r, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 56 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo LHD. Xử phạt bị cáo LHD 04 (bốn) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”. Tổng hợp hình phạt 01 (một) năm tù tại Bản án số 71/2022/HS-ST, Ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân TPST, tỉnh Sóc Trăng. Buộc bị cáo LHD chấp hành chung cả hai bản án là 05 (năm) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn thi hành án hình phạt tù tính từ Ngày 26/11/2021.

Hình phạt bổ sung: 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng)

3. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo NHNH, TTTr, TTThT về việc xin giảm hình phạt.

Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 160/2022/HS-ST Ngày 22/12/2022 của Tòa án nhân dân TPST, tỉnh Sóc Trăng về hình phạt đối với NHNH, TTTr, TTThT như sau:

Căn cứ điểm c khoản 1, khoản 3 Điều 322; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm r, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo NHNH, TTThT và TTTr.

3.1 Xử phạt bị cáo NHNH 04 (bốn) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”. Thời hạn thi hành án hình phạt tù tính từ Ngày 26/11/2021.

Hình phạt bổ sung: 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng)

3.2 Xử phạt bị cáo TTTr 01 (một) năm 27 (hai mươi bảy) Ngày tù về tội “Tổ chức đánh bạc”. Bị cáo đã chấp hành xong phần hình phạt tù và đã thực hiện xong hình phạt bổ sung.

3.3 Xử phạt bị cáo TTThT 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”. Thời hạn thi hành án hình phạt tù tính từ Ngày bắt bị cáo hoặc Ngày bị cáo tự nguyện chấp hành án.

Hình phạt bổ sung bị cáo TTThT đã thực hiện xong.

4. Về án phí hình sự phúc thẩm:

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2021) và điểm a, g, h khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Buộc các bị cáo NTN, NMC, LHĐ, HTT mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

- Các bị cáo TPH, NHNH, TTTr, TTThT không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

5. Các phần Quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ Ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ Ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT 1- TANDTC (01);
- VKSND tỉnh Sóc Trăng (01);
- TAND Tp. Sóc Trăng (09);
- VKSND Tp. Sóc Trăng (01);
- CQĐT - Công an Tp. Sóc Trăng (01);
- CQTHAHS-Công an Tp. Sóc Trăng (01);
- Chi cục THADS Tp. Sóc Trăng (01);
- Các bị cáo (08);
- Trại tạm giam-Công an tỉnh Sóc Trăng (08)
- PKTNV-THA-TAND tỉnh Sóc Trăng (01);
- CQTHAHS- Công an tỉnh Sóc Trăng (01);
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng (01);
- Lưu hs, THS (04);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Phan Lê Vũ Huy Hoàng